

DANH SÁCH SINH VIÊN NĂM 4
NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2011-2012 - KHOA
VĂN

(Danh sách kèm theo Quyết định số
...../QĐ-ĐHSP ngày
...../...../2012)

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ng ày BH sin h	ĐT p l oại bốn rên g	Xế Múc	Số
1	K34	Cao Dun	18. 8.6798	300. 150		
	.601	Thị g	3.9	000 0.00		
	.009	Kim	0	0		
2	K34	Phạ Hân	02. 9.3897	360. 180		
	.601	m Hg	09.	000 0.00		
	.020	ông	90	0		
		Thu				
3	K34	Lê Hiệ	12. 8.4386	300. 150		
	.601	Thị p	4.8	000 0.00		
	.027		6	0		
4	K34	Hoà Hoa	18. 9.7193	360. 180		
	.601	ng	11.	000 0.00		
	.028	Thị	90	0		
		Min				
		h				
5	K34	Bùi Hôn	14. 9.2986	300. 150		
	.601	Thị g	06.	000 0.00		
	.029		90	0		
6	K34	Ngu Huy	25. 9.2997	360. 180		
	.601	yễn ền	8.9	000 0.00		
	.034	Thị	0	0		
		Tha				
		nh				
7	K34	Ngu Lan	25. 8.5787	300. 150		
	.601	yễn	10.	000 0.00		
	.043	Thị	89	0		
		Hư				
		ơng				
8	K34	Vũ Ly	06. 8.4393	300. 150		
	.601	Thị	5.8	000 0.00		
	.054	Khá	9	0		
		nh				
9	K34	Lê My	04. 8.6785	300. 150		
	.601	Thị	12.	000 0.00		
	.059	Trà	89	0		
10	K34	Ngu My	19. 9.7195	360. 180		

	.601yễn	9.9	000	0.00
	.060Thị	0	0	
	Lệ			
11	K34Phạ Ngâ	06. 9.3884	300. 150	
	.601m n	11.	000	0.00
	.063Kim	90	0	
12	K34NguNgu	06. 8.4395	300. 150	
	.601yễn yện	10.	000	0.00
	.072Thị	90	0	
	Như			
13	K34NguNhu	12. 8.9095	300. 150	
	.601yễn ng	4.9	000	0.00
	.076Thị	0	0	
14	K34Đin Nụ	22. 8.4384	300. 150	
	.601h	7.9	000	0.00
	.082Thị	0	0	
15	K34NguThấ	03. 8.7690	300. 150	
	.601yễn ng	08.	000	0.00
	.100Thị	90	0	
16	K34NguThả	03. 8.3398	300. 150	
	.601yễn o	08.	000	0.00
	.104Thị	90	0	
	Hư			
	ơng			
17	K34Trầ Tho	22. 8.3398	300. 150	
	.601n a	06.	000	0.00
	.107Thị	90	0	
	Tha			
	nh			
18	K34NguThủ	02. 9.1485	300. 150	
	.601yễn y	07.	000	0.00
	.110Thị	90	0	
	Thu			
19	K34Trầ Thơ	07. 9.7198	360. 180	
	.601n H	5.9	000	0.00
	.116uỷn	0	0	
	h			
	Anh			
20	K34Võ Thơ	22. 8.4390	300. 150	
	.601Thị	11.	000	0.00
	.117Mỹ	90	0	
21	K34Bùi Tra	03. 8.6790	300. 150	
	.601Thị ng	05.	000	0.00
	.121Min	90	0	
	h			
22	K34NguTra	10. 9.3893	360. 180	
	.601yễn ng	4.9	000	0.00
	.124Ngọ	0	0	
	c Đ			
	oan			

23	K34Lê Trú	10. 9.3894	360.180
	.601Thị c	1.9	000 0.00
	.129Tha nh	0	0
24	K34NguUyê	20. 8.4396	300.150
	.601yễn n	9.9	000 0.00
	.134Ngọ c	0	0
	Tổ		
25	K34Phạ Diễ	18. 8.3382	300.150
	.606m m	11.	000 0.00
	.007Thị	89	0
	Ngọ c		
26	K34Pha Duy	22. 8.3398	300.150
	.606n ên	11.	000 0.00
	.009Ánh	90	0
27	K34NguHẫ	20. 8.5782	300.150
	.606yễn g	8.9	000 0.00
	.016Thị	0	0
	Thu		
28	K34Trầ Hậ	01. 8.3380	300.150
	.606n N h	11.	000 0.00
	.018gọc	89	0
	Mỹ		
29	K34Trầ Hư	15. 8.1992	300.150
	.606n ơng	10.	000 0.00
	.029Thị	90	0
	Lan		
30	K34Lỷ Kiề	02. 8.4382	300.150
	.606Ngọu	09.	000 0.00
	.034c	89	0
31	K34Võ Lan	22. 8.1982	300.150
	.606Thị	5.8	000 0.00
	.037Mỹ	9	0
32	K34Đào Lin	21. 8.1982	300.150
	.606Thị h	07.	000 0.00
	.038Thù	90	0
	y		
33	K34Phạ Lon	10. 8.1982	300.150
	.606m g	7.8	000 0.00
	.039Thị	8	0
34	K34Lê Ngâ	12. 8.5782	300.150
	.606Thị n	12.	000 0.00
	.045Thu	90	0
35	K34Hồ Nhu	18. 8.4382	300.150
	.606Thị ng	5.8	000 0.00
	.052Xuâ	9	0
	n		
36	K34HuỳnhQuy	01. 8.5782	300.150

		.606nh	ên	09.	000	0.00
		.060Thị		90	0	
		Hoà				
		ng				
37	K34NguThá	30.	8.2488	300.	150	
		.606yễn i	7.9	000	0.00	
		.066Thị	0	0		
38	K34Phạ Thả	19.	8.2482	300.	150	
		.606m o	12.	000	0.00	
		.067Thị	82	0		
		Thu				
39	K34NguThủ	05.	8.1982	300.	150	
		.606yễn y	7.8	000	0.00	
		.070Thị	9	0		
40	K34NguThư	14.	8.3382	300.	150	
		.606yễn ơng	4.9	000	0.00	
		.072Thị	0	0		
41	K34HứaĐến	20.	9.0082	300.	150	
		.607Thị	10.	000	0.00	
		.008Bíc	89	0		
		h				
42	K34ĐặngHiề	23.	9.1994	360.	180	
		.607g n	4.8	000	0.00	
		.016Thị	7	0		
43	K34Võ Lin	12.	9.1090	360.	180	
		.607Thị h	3.9	000	0.00	
		.028Tuy	0	0		
		ết				
44	K34ĐặngNgọ	19.	8.8690	300.	150	
		.607g c	9.9	000	0.00	
		.033Bảo	0	0		
45	K34Tạ Phư	20.	8.9078	240.	120	
		.607Thị ơng	10.	000	0.00	
		.039	90	0		
46	K34Trầ Tha	30.	9.4382	300.	150	
		.607n nh	10.	000	0.00	
		.042Thị	90	0		
47	K34NguThả	11.	9.4380	300.	150	
		.607yễn o	4.9	000	0.00	
		.045Thị	0	0		
48	K34Hồ Tra	19	9.1990	360.	180	
		.607Thị ng	90	000	0.00	
		.052Thù		0		
		y				